

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.
2. Ông Bùi Trung Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị N Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1972 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn V, sinh năm 1973 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà và ông V chung sống từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông V thường xuyên ghen tuông vô cớ và hành hung bà. Từ năm 2020 thì bà và ông V đã sống ly thân đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với

ông V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Mộng C, sinh ngày 20/5/1998 và Ngô Thị Yến N, sinh ngày 15/11/2002. Hiện cả 02 con đã thành niên, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn V trình bày:

Thông nhất ông và bà M chung sống từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ông nghi ngờ bà M có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Ông không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà M. Ông muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Thông nhất vợ chồng có 02 con chung như bà M trình bày. Hiện cả 02 con đã thành niên, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy bà M và ông V chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà M yêu cầu được ly hôn với ông V nên đây là tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông V là bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã Y, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà M và ông V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M, ông V.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông V. Tuy nhiên, do bà M và ông V chung sống với nhau từ năm 1998, có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa ông bà không được pháp luật công nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu của bà M mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông V là phù hợp với khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà M và ông V có 02 con chung tên Huỳnh Thị Mộng C và Ngô Thị Yến N đều đã trưởng thành, lao động được. Bà M, ông V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về án phí: Bà M phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị M và ông Ngô Văn V.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017364 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên bà M đã nộp xong án phí.

Ông Ngô Văn V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, bà Huỳnh Thị M và ông Ngô Văn V được quyền

kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú